

Số: /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày tháng năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện dự án khoa học và công nghệ: Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình trang trại chăn nuôi bò lai sinh sản khép kín đảm bảo an toàn sinh học**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BKHCN ngày 01/3/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện;*

*Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 03/9/2015 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định 13/2015/QĐ-UBND ngày 03/9/2015 của UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều tại quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành theo Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt danh mục dự án, dự án khoa học và công nghệ triển khai năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt tổ chức và cá nhân trúng tuyển là đơn vị chủ trì thực hiện*

*nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2023;*

*Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 24/TTr-SKHHCN ngày 19/6/2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh, với các nội dung cơ bản sau:

### **1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình trang trại chăn nuôi bò lai sinh sản khép kín đảm bảo an toàn sinh học.
- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.
- Cơ quan quản lý: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Kạn.
- Cơ quan chủ trì thực hiện: Viện Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Tổ chức phối hợp chính thực hiện dự án:
  - + Tổ chức 1: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Ba Bể;
  - + Tổ chức 2: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Chợ Đồn;
  - + Tổ chức 3: Trung tâm Nghiên cứu Ong và Chuyên gia công nghệ chăn nuôi;
  - + Tổ chức 4: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển chăn nuôi Miền núi.
- Thời gian thực hiện: 36 tháng (từ tháng 6/2023 đến tháng 5/2026).

### **2. Mục tiêu dự án**

#### **2.1. Mục tiêu chung:**

Nhằm nâng cao tầm vóc, tỷ lệ thịt xẻ, hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi bò thịt gắn với đảm bảo môi trường và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

#### **2.2. Mục tiêu cụ thể:**

- Xây dựng được 02 mô hình chăn nuôi bò lai sinh sản khép kín đảm bảo an toàn sinh học (quy mô 50 con). Tỷ lệ phối giống có chửa  $\geq 65\%$ , tỷ lệ nuôi sống bê sơ sinh đến 6 tháng tuổi đạt 95%, tỷ lệ nuôi sống bê giai đoạn 7-15 tháng tuổi đạt 98%.

- Sản xuất được 30 bê, bò lai. Khối lượng bê lai F1 BBB sơ sinh trung bình  $\geq 27$  kg, khối lượng bê lúc cai sữa  $\geq 170$ kg; khối lượng lúc 15 tháng tuổi đạt 340kg, khối lượng lúc 18 tháng tuổi đạt 390kg. Khối lượng bê lai F1 Brahman sơ sinh trung bình  $\geq 24$ kg, khối lượng bê lúc cai sữa  $\geq 95$ kg, khối lượng lúc 15 tháng tuổi đạt 290kg, khối lượng lúc 18 tháng tuổi đạt 340kg.

- Phối giống có chửa cho 40 bò cái.

- Xây dựng mô hình trồng cây thức ăn cho bò. Quy mô: 05 ha.
- Sản xuất được 02 tấn sinh khối giun, 10 tấn phân giun từ chất thải chăn nuôi bò.
- Hoàn thiện và biên soạn tài liệu hướng dẫn kỹ thuật.
- Đào tạo được 16 kỹ thuật viên thụ tinh nhân tạo; tập huấn cho 160 lượt hộ dân về kỹ thuật chăn nuôi bò lai khép kín đảm bảo an toàn sinh học.

### 3. Nội dung dự án

3.1. Nội dung 1: Xây dựng mô hình chăn nuôi bò lai sinh sản khép kín đảm bảo an toàn sinh học.

- Công việc 1: Chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ xây dựng mô hình chăn nuôi bò lai sinh sản khép kín đảm bảo an toàn sinh học:

+ Xây dựng 02 mô hình chăn nuôi bò lai sinh sản khép kín đảm bảo an toàn sinh học tại xã Đồng Lạc, huyện Chợ Đồn và xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể. Quy mô: chăn nuôi 50 bò cái lai sinh sản (bò lai Zebu gồm 25 con lai Brahman và 25 con Laisind, khối lượng  $\geq 280$  kg/con, đã đẻ lứa 1).

+ Làm đệm lót sinh học: Diện tích chuồng trại từ 250-300 m<sup>2</sup>. Đệm lót sinh học sau khi sử dụng được thu gom, xử lý và tái sử dụng làm phân bón cho cỏ trồng và cây trồng khác.

+ Cải tạo, nâng cấp khu lưu trữ, xử lý để tái sử dụng chất thải: Diện tích cải tạo, nâng cấp khu lưu trữ, xử lý chất thải, nuôi giun: 500 m<sup>2</sup>.

- Công việc 2: Tạo bê lai bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo và theo dõi sinh trưởng của bê lai.

+ Số bê cần tạo ra: 30 con (20 con Brahman và 10 con BBB) (lứa thứ nhất).

+ Số bò có chữa: 40 con (10 con phối tinh BBB, 30 con phối tinh Brahman (lứa thứ hai).

- Công việc 3: Trồng cây thức ăn chăn nuôi: Diện tích trồng 02 ha cỏ VA06 và 3 ha cây ngô sinh khối.

- Công việc 4: Chế biến thức ăn thô xanh, phụ phẩm nông nghiệp cho bò.

Ủ chua sử dụng chế phẩm vi sinh vật khởi động, kiềm hóa bằng ure. Khối lượng 500 tấn từ cỏ tươi, cây ngô sinh khối, rơm tươi, rơm khô, cây ngô sau thu hoạch bắp.

- Công việc 5: Sản xuất, chế biến sinh khối giun và phân giun từ phân bò 02 tấn sinh khối giun quế (*Perionyx excavatus*) và 10 tấn phân giun.

- Công việc 6: Xử lý và tái sử dụng chất thải (phân, thức ăn thừa, nước thải) chăn nuôi bò cho cây trồng.

+ Xử lý phân và thức ăn thừa thành phân hữu cơ: 700 tấn.

+ Xử lý nước thải làm nước tưới. Thể tích cần xử lý: 2000 m<sup>3</sup>.

3.2. Nội dung 2: Đào tạo, tập huấn chuyên gia khoa học, kỹ thuật chăn nuôi bò lai sinh sản khép kín đảm bảo an toàn sinh học.

- Công việc 1: Đào tạo 16 kỹ thuật viên nắm vững kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho bò.

- Công việc 2: Tổ chức 4 lớp tập huấn cho 160 lượt hộ dân về quản lý đàn và phát hiện động dục ở bò, kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng bò, trồng và chế biến thức ăn cho bò, thực hành chế biến thức ăn cho bò.

3.3. Nội dung 3: Biên soạn tài liệu, tổ chức Hội thảo, tuyên truyền, nghiệm thu đánh giá kết quả dự án.

- Công việc 1: Biên soạn và ban hành tài liệu hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi bò lai sinh sản khép kín đảm bảo an toàn sinh học trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn: (1) Kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng bò cái sinh sản đảm bảo an toàn sinh học; (2) Kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng bò thịt đảm bảo an toàn sinh học; (3) Kỹ thuật trồng cây thức ăn chăn nuôi bò; (4) Kỹ thuật chế biến, dự trữ thức ăn và phụ phẩm nông nghiệp cho bò; (5) Kỹ thuật nuôi giun để xử lý phân bò, chế biến sinh khối giun, phân giun; (6) Kỹ thuật làm đệm lót sinh học cho bò và xử lý phân bò thành phân hữu cơ; (7) Kỹ thuật xử lý và tái sử dụng nước thải từ chăn nuôi bò.

- Công việc 2: Tổ chức Hội thảo.

+ Tổ chức 02 cuộc hội thảo (mỗi huyện 01 hội thảo) để giới thiệu kết quả dự án và lấy ý kiến góp ý hoàn thiện tài liệu hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi bò lai sinh sản khép kín đảm bảo an toàn sinh học. Quy mô: 30 người/hội thảo.

+ Tổ chức 01 cuộc hội thảo đánh giá kết quả thực hiện dự án. Quy mô: 30 người.

+ Xây dựng 02 phóng sự phát sóng trên Đài phát thanh - truyền hình tỉnh Bắc Kạn để tuyên truyền kết quả thực hiện dự án.

#### **4. Kinh phí thực hiện dự án**

4.1. Tổng kinh phí thực hiện dự án là: 6.408 triệu đồng (*Sáu tỷ, bốn trăm linh tám triệu đồng*).

Trong đó:

- Từ nguồn ngân sách sự nghiệp KH&CN tỉnh: 1.908 triệu đồng (*Một tỷ, chín trăm linh tám triệu đồng*).

- Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước (đối ứng của người dân: Trả công lao động; nguyên, vật liệu, năng lượng): 4.500 triệu đồng (*Bốn tỷ năm trăm triệu đồng*).

4.2. Kinh phí sự nghiệp KH&CN tỉnh chia ra các năm như sau:

- Năm 2023: 879 triệu đồng;

- Năm 2024: 499 triệu đồng;

- Năm 2025: 530 triệu đồng.

4.3. Phương thức thực hiện: Khoán chi từng phần, cụ thể:

- Kinh phí ngân sách nhà nước khoán chi: 843,135 triệu đồng (*các nội dung khoán chi theo quy định*).
- Kinh phí ngân sách nhà nước không khoán chi: 1.064,865 triệu đồng (*gồm: Nguyên vật liệu, năng lượng và chi khác*).
- Kinh phí của dự án được chia thành các khoản mục tại thuyết minh dự án được Sở Khoa học và Công nghệ xác nhận kèm theo Tờ trình.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đơn đốc đơn vị thực hiện dự án, tổ chức thực hiện các nội dung có liên quan theo đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả đạt được các mục tiêu và tiến độ dự án.

2. Giao ThS. Nguyễn Ngọc Lương - Viện Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Chủ nhiệm dự án. Chủ nhiệm dự án có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung, tiến độ đã được phê duyệt và theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Trách nhiệm của của Cơ quan chủ trì/Chủ nhiệm dự án: Tổ chức kiểm tra, đánh giá dự án theo quy định, định kỳ báo cáo 06 tháng/lần hoặc đột xuất (*theo yêu cầu*) với cơ quan quản lý. Khi kết thúc dự án phải có báo cáo đánh giá kết quả toàn diện để Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh giá, nghiệm thu; nộp toàn bộ tài liệu, số liệu liên quan và báo cáo đánh giá kết quả của dự án cho cơ quan quản lý và thực hiện thanh quyết toán theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bắc Kạn; Thủ trưởng các cơ quan: Chủ trì, phối hợp thực hiện, đơn vị có liên quan và Chủ nhiệm dự án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (t/h);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở KH&CN (05 bản);
- PCVP (Ô. Nguyễn) ;
- Phòng NNTNMT (Ô. Hà);
- Lưu: VT, Cúc.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nông Quang Nhất**